TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 305/2017/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 22 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 483/2017/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2017, giữa:

- Bà Trương Thị Th, sinh năm 1985; nơi thường trú: Đội 1, thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1982; nơi thường trú: Đò 10, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; tạm trú: Nhà trọ Lê Tấn N thuộc Tổ 1, khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trương Thị Th và ông Trần Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trương Thị Th và ông Trần Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nhật M, sinh ngày 12/4/2012. Khi ly hôn, bà Trương Thị Th và ông Trần Văn T thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Trần Nhật M, sinh ngày 12/4/2012 cho bà Trương Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

chung 1.500.000 đồng/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng trên một tháng), bắt đầu từ tháng 12/2017 cho đến khi cháu Trần Nhật M đủ 18 tuổi.

Bà Trương Thị Th và ông Trần Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

2.3. *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Các đương sự tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm*: Bà Trương Thị Th phải nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013512 ngày 27/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương. Hoàn trả cho bà Trương Thị Th số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.5. *Về án phí cấp dưỡng nuôi con*: Ông Trần Văn T phải nộp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- CCTHA thị xã T (01);
- UBND xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT; HS (02);

THẨM PHÁN

Bùi Thị Hiền